

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM - BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - BỘ TÀI CHÍNH - BỘ THƯƠNG MẠI

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM - BỘ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ - BỘ TÀI CHÍNH -
BỘ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2007

Số: 05/2007/TTLT-NHNN-
BKH&ĐT-BTC-BTM

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH hướng dẫn thực hiện một số điểm về lập và phân tích cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam

Căn cứ Điều 42 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 164/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về quản lý cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện một số điểm về lập và phân tích cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam (sau đây gọi tắt là cán cân thanh toán) như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Các bộ, ngành theo quy định tại Điều 7, 9, 10, 11 và 12 của Nghị định số 164/1999/NĐ-CP (gọi chung là cơ quan).

1.2. Các tổ chức, cá nhân là Người cư trú, Người không cư trú có hoạt động ngoại hối tại Việt Nam và tham gia các giao dịch kinh tế theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 164/1999/NĐ-CP.

2. Nội dung và hình thức cung cấp thông tin để lập cán cân thanh toán:

2.1. Các cơ quan cung cấp số liệu và thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo

các mẫu biểu tại các Phụ lục của Thông tư này.

2.2. Các tổ chức tín dụng cung cấp số liệu để lập cán cân thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo kế toán và thống kê ngân hàng.

2.3. Các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và cá nhân cung cấp số liệu cho Ngân hàng Nhà nước:

a) Các tổng công ty và công ty thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cung cấp số liệu trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước theo các mẫu biểu tại Phụ lục III của Thông tư này;

b) Các tổ chức kinh tế và cá nhân cung cấp số liệu theo yêu cầu của các bộ, ngành phù hợp với các mẫu biểu tại các Phụ lục của Thông tư này để tổng hợp gửi Ngân hàng Nhà nước;

c) Các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo các chương trình điều tra thống kê quốc gia hoặc các cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra quốc gia do Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật về thống kê.

3. Nguyên tắc cung cấp thông tin:

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước để lập cán cân thanh toán thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

3.1. Đảm bảo tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ và đúng chỉ tiêu, phương pháp tính, đơn vị tiền tệ và thời hạn quy định tại các mẫu biểu của Phụ lục Thông tư này.

3.2. Không trùng lặp, chồng chéo giữa các mẫu biểu số liệu cung cấp.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

LẬP CÁN CÂN THANH TOÁN THỰC TẾ VÀ DỰ BÁO

4. Nguyên tắc lập cán cân thanh toán:

4.1. Các giao dịch kinh tế được thống kê trong cán cân thanh toán bao gồm toàn bộ giao dịch kinh tế giữa Người cư trú và Người không cư trú của Việt Nam trong một thời gian nhất định. Người cư trú và Người không cư trú của Việt Nam theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối. Các giao dịch kinh tế trong cán cân thanh toán được phân loại theo phương pháp thống kê cán cân

thanh toán do Quỹ tiền tệ quốc tế ban hành năm 1993 áp dụng cho các nước thành viên như sau:

a) Các giao dịch trong cán cân vãng lai bao gồm: Các giao dịch giữa Người cư trú và Người không cư trú về hàng hóa, dịch vụ, thu nhập của người lao động, thu nhập từ đầu tư trực tiếp, thu nhập từ đầu tư vào giấy tờ có giá, lãi vay và lãi tiền gửi nước ngoài, chuyển giao vãng lai một chiều;

b) Các giao dịch trong cán cân vốn và tài chính bao gồm: Các giao dịch giữa Người cư trú và Người không cư trú về chuyển vốn từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển vốn từ Việt Nam ra nước ngoài trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp; đầu tư vào giấy tờ có giá; vay trả nợ nước ngoài, cho vay và thu hồi nợ nước ngoài; chuyển giao vốn một chiều; các hình thức đầu tư và các giao dịch khác.

4.2. Cán cân thanh toán được lập theo đơn vị tiền tệ là Đôla Mỹ.

4.3. Số liệu về giao dịch kinh tế được thống kê tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu.

4.4. Giá trị giao dịch kinh tế được tính theo giá thị trường và được quy đổi thành Đôla Mỹ. Giá trị các giao dịch kinh tế phát sinh bằng Đồng Việt Nam và ngoại

tệ không phải là Đôla Mỹ được quy đổi thành Đôla Mỹ theo tỷ giá theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam sử dụng trong hạch toán kế toán của doanh nghiệp.

5. Số liệu để lập cán cân thanh toán thực tế do các cơ quan, tổ chức cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước:

5.1. Số liệu hàng hóa:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) cung cấp số liệu hàng hóa trên cơ sở tổng hợp số liệu hàng hóa của Tổng cục Hải quan và các tổ chức khác.

5.2. Số liệu dịch vụ:

a) Bộ Tài chính cung cấp số liệu về xuất, nhập khẩu dịch vụ Chính phủ;

b) Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cung cấp số liệu về dịch vụ vận tải hàng hải;

c) Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam cung cấp số liệu về dịch vụ vận tải hàng không;

d) Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Tổng công ty viễn thông I, Tổng công ty viễn thông II và các công ty khác thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông cung cấp số liệu về dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế;

e) Các tổ chức tín dụng cung cấp số liệu thanh toán xuất, nhập khẩu dịch vụ

theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo kế toán và thống kê ngân hàng;

g) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tổ chức thu thập số liệu dịch vụ từ các nguồn khác để bổ sung số liệu dịch vụ cho lập cán cân thanh toán.

5.3. Số liệu thu nhập đầu tư:

a) Bộ Tài chính cung cấp số lãi đến hạn phải trả và số lãi thực trả đối với các khoản vay nợ nước ngoài của Chính phủ;

b) Ngân hàng Nhà nước tổng hợp số lãi đến hạn phải trả và số lãi thực trả đối với các khoản vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp số liệu lợi nhuận của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

d) Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam cung cấp số liệu lợi nhuận của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.

5.4. Số liệu chuyển giao:

a) Bộ Tài chính cung cấp số liệu viện trợ của nước ngoài cho Việt Nam và của Việt Nam cho nước ngoài thuộc ngân sách nhà nước;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp số liệu viện trợ dưới hình thức trợ giúp kỹ thuật của nước ngoài cho Việt Nam;

c) Tổng công ty Bưu chính Việt Nam cung cấp số liệu chuyển tiền của Người không cư trú cho Người cư trú;

d) Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) cung cấp số liệu ngoại tệ chuyển vào và chuyển ra của các tổ chức và cá nhân khai báo khi xuất, nhập cảnh;

đ) Các tổ chức tín dụng cung cấp số liệu chuyển giao theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo kế toán và thống kê ngân hàng.

5.5. Số liệu đầu tư trực tiếp:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp số liệu về đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài.

5.6. Số liệu đầu tư chứng khoán niêm yết:

Bộ Tài chính (Ủy ban chứng khoán Nhà nước) cung cấp số liệu về hoạt động mua bán chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán giữa Người cư trú và Người không cư trú.

5.7. Số liệu nợ nước ngoài:

a) Bộ Tài chính cung cấp số liệu về

nợ nước ngoài của Chính phủ theo chức năng quản lý Nhà nước về quản lý nợ nước ngoài;

b) Ngân hàng Nhà nước tổng hợp số liệu nợ nước ngoài của doanh nghiệp theo chức năng quản lý Nhà nước về quản lý nợ nước ngoài.

6. Số liệu để lập cán cân thanh toán dự báo do các cơ quan, tổ chức cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước:

6.1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp số liệu kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu (tổng sản phẩm quốc dân; xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ; tổng đầu tư toàn xã hội; đầu tư trực tiếp nước ngoài, vay nợ nước ngoài).

6.2. Bộ Tài chính cung cấp số liệu về kế hoạch vay trả nợ nước ngoài của Việt Nam hàng năm.

7. Các cơ quan và tổ chức khác có liên quan đến số liệu lập cán cân thanh toán cung cấp số liệu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Mục 2

THEO DÕI VÀ PHÂN TÍCH CÁN CÂN THANH TOÁN

8. Các bộ, ngành có trách nhiệm thực

hiện việc theo dõi, phân tích cán cân thanh toán theo quy định tại Nghị định số 164/1999/NĐ-CP để thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình.

9. Định kỳ 6 tháng, Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại tiến hành phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm ổn định cán cân thanh toán.

Mục 3

THỜI HẠN BÁO CÁO VÀ THÔNG TIN TÌNH HÌNH SỐ LIỆU

10. Các Bộ, Ngành, các đơn vị được nêu tại khoản 5, khoản 6 mục 1 của Thông tư này có trách nhiệm thông tin tình hình số liệu cho Ngân hàng Nhà nước theo các thời hạn quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Thời hạn Ngân hàng Nhà nước báo cáo cán cân thanh toán Chính phủ và gửi các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại phục vụ thống kê kinh tế vĩ mô và yêu cầu quản lý:

a) Ngày 25 của tháng cuối mỗi quý, báo cáo cán cân thanh toán dự báo của quý tiếp theo; ngày 25 tháng 9 hàng năm, báo cáo cán cân thanh toán dự báo của năm tiếp theo;

b) Ngày làm việc cuối cùng của tháng đầu mỗi quý, báo cáo tình hình thực hiện cán cân thanh toán thực tế của quý trước; ngày 10 tháng 02 hàng năm báo cáo cán cân thanh toán thực tế của năm trước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

12. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Thông tư số 05/2000/TT-

NHNN1 ngày 28/3/2000 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành một số điểm về lập cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

13. Các Bộ, Ngành theo quy định tại Điều 7, 9, 10, 11 và 12 của Nghị định số 164/1999/NĐ-CP, các tổ chức tín dụng, các tổ chức và cá nhân là Người cư trú và Người không cư trú chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THỨ TRƯỞNG

Cao Việt Sinh

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

KT. THÔNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
PHÓ THÔNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ THƯƠNG MẠI
THỨ TRƯỞNG

Lê Danh Vĩnh

Phụ lục I

MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Mẫu biểu số 1.1 - 1.10)

Mẫu biểu số: 1.1

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-BTC-
BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Đầu tư nước ngoài)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

TỔNG HỢP THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

Quý..... Năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

	Chi tiêu	Thực hiện trong quý*	Ước thực hiện cả năm*
1	Số dự án được cấp chứng nhận đầu tư		
2	Vốn điều lệ được cấp chứng nhận đầu tư		
3	Tổng vốn thực hiện (giải ngân)		
3.1	Vốn chủ sở hữu		
a	Phía Việt Nam đóng góp		
b	Phía nước ngoài đóng góp		
	+ Bằng hiện vật		
	+ Bằng tiền		
3.2	Vốn vay		

	Chi tiêu	Thực hiện trong quý*	Ước thực hiện cả năm*
a	Vay nước ngoài		
	+ Trong đó có vay từ công ty mẹ		
	+ Vay từ chủ nợ khác		
b	Vay trong nước		

Giải thích: * Chỉ tiêu 3 thống kê phần thực hiện bởi các dự án được cấp chứng nhận đầu tư trong kỳ báo cáo và các dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư từ trước.

* 3.2. Vốn vay nước ngoài là các khoản do doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp

nước ngoài vay của người không cư trú (gồm vay từ công ty mẹ và các chủ nợ khác). Các khoản vay ngắn hạn, vay của các ngân hàng liên doanh, chi nhánh các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được thống kê trong phần vay trong nước vì đây là các đơn vị cư trú của Việt Nam.

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
Ký
(Họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
Ký
(Họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.2

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-

BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Đầu tư nước ngoài)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO
VIỆT NAM THEO NƯỚC ĐẦU TƯ**

Năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Nước đầu tư	Số dự án được cấp chứng nhận đầu tư trong năm	Vốn điều lệ được cấp chứng nhận đầu tư trong năm	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong năm	Vốn chủ sở hữu		Vốn vay		
					Bên nước ngoài	Bên Việt Nam	Vay nước ngoài		Vay trong nước
							Vay công ty mẹ	Vay đối tác khác	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1									
2									
3									
4									
5									
...									
	Tổng số								

- Từ cột 4 đến cột 9 thống kê đầy đủ vốn thực hiện trong kỳ của các dự án được cấp chứng nhận đầu tư trong kỳ và những dự án được cấp chứng nhận đầu tư từ trước.

- Cột 5 thống kê toàn bộ vốn đóng góp bằng tiền và bằng hàng hóa (máy móc thiết bị), Cột 6 thống kê toàn bộ số vốn đóng góp bằng tiền, bằng hàng hóa và quyền sử dụng đất.

- Vay nước ngoài: Bao gồm các khoản

vay từ người không cư trú (gồm vay từ công ty mẹ và các chủ nợ khác).

- Vay trong nước: Bao gồm các khoản vay từ người cư trú (vay các ngân hàng Việt Nam, Ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được tổng hợp trong vay trong nước vì các ngân hàng này là người cư trú của Việt Nam).

- Vốn thực hiện (cột 4) = vốn chủ sở hữu + vốn vay = cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.3

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Đầu tư nước ngoài)
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP LỢI NHUẬN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM**

Năm....

Đơn vị: 1.000 USD

	Chi tiêu	Thực hiện trong kỳ
1	Lợi nhuận trước thuế*	
2	Lợi nhuận sau thuế*	
2.1	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư nước ngoài hưởng	
2.2	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư trong nước hưởng	

* Lợi nhuận bao gồm lợi nhuận của tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong kỳ báo cáo không kể lợi nhuận của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.4

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-BTC-
BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Đầu tư nước ngoài)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
CỦA VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI**

Quý..... Năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

	Chi tiêu	Thực hiện trong quý	Ước thực hiện cả năm
1	Số dự án được chứng nhận đầu tư		
2	Vốn điều lệ được cấp chứng nhận đầu tư		
3	Tổng vốn thực hiện (giải ngân)		
3.1	Vốn chủ sở hữu		
a	Phía Việt Nam đóng góp		
	+ Bằng hiện vật		
	+ Bằng tiền		
b	Phía nước ngoài đóng góp		

	Chỉ tiêu	Thực hiện trong quý	Ước thực hiện cả năm
3.2	Vốn nhà đầu tư Việt Nam cho doanh nghiệp đầu tư ở nước ngoài vay		
	+ Chủ nợ là công ty mẹ		
	+ Chủ nợ khác		

Giải thích: Chỉ tiêu 3 thống kê phân thực hiện bởi các dự án được cấp chứng nhận đầu tư trong kỳ báo cáo và các dự án được cấp chứng nhận đầu tư từ trước.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.5

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Đầu tư nước ngoài)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA VIỆT NAM
RA NƯỚC NGOÀI THEO NƯỚC NHẬN ĐẦU TƯ**

Năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Nước nhận đầu tư	Số dự án được cấp chứng nhận đầu tư trong năm	Vốn điều lệ được cấp chứng nhận đầu tư trong năm	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong năm	Vốn chủ sở hữu		Cho doanh nghiệp ở nước ngoài có vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam vay	
					Bên nước ngoài	Bên Việt Nam	Công ty mẹ	Các tổ chức khác của Việt Nam
	1	2	3	4	5	6	7	8
1								
2								
3								
4								
5								
...								
	Tổng số							

- Từ cột 4 đến cột 8 thống kê đầy đủ vốn thực hiện trong kỳ của các dự án được cấp chứng nhận đầu tư trong kỳ và những dự án được cấp chứng nhận đầu tư từ trước.

- Cột 5 thống kê toàn bộ vốn đóng góp bằng tiền, bằng hàng hóa (máy móc thiết bị) và quyền sử dụng đất. Cột 6 thống kê toàn bộ số vốn đóng góp bằng tiền và bằng hàng hóa.

- Cột 7 là các công ty mẹ của các doanh

nh nghiệp ở nước ngoài có vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam cho doanh nghiệp đó vay. Cột 8 là các doanh nghiệp Việt Nam ngoài đối tượng ở cột 7 cho các doanh nghiệp ở nước ngoài có vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam vay.

- Vốn thực hiện (cột 4) = Vốn chủ sở hữu + Vốn cho các doanh nghiệp ở nước ngoài có vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam vay = cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.6

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Cục Đầu tư nước ngoài)
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP LỢI NHUẬN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI**

Năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

	Chỉ tiêu	Thực hiện trong kỳ
1.	Lợi nhuận trước thuế *	
2	Lợi nhuận sau thuế*	
2.1	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư Việt Nam được hưởng	
2.2	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư trong nước hưởng	

* Lợi nhuận bao gồm lợi nhuận của tất cả các doanh nghiệp ở nước ngoài có vốn đầu tư trực tiếp của Việt Nam trong kỳ báo cáo không kể lợi nhuận của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày..... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.7

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu năm: ngày 15/9 hàng năm

Đơn vị lập biểu:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Vụ Tổng hợp)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ TỔNG HỢP

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm tới	Kế hoạch 5 năm (theo năm)
1	Tăng trưởng kinh tế	%		
	Trong đó			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%		
	- Công nghiệp và xây dựng	%		
	- Dịch vụ	%		
2	GDP theo giá hiện hành			
	Tổng GDP theo VNĐ	Tỷ đồng		
	Tổng GDP quy USD	Triệu USD		
3	Xuất nhập khẩu			
	- Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD		
	- Tốc độ tăng xuất khẩu	%		
	- Tổng kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD		
	- Tốc độ tăng nhập khẩu	%		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm tới	Kế hoạch 5 năm (theo năm)
4	Tổng đầu tư toàn xã hội			
	- Tổng đầu tư toàn xã hội (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng		
	- Tổng đầu tư toàn xã hội/GDP	%		
	- Tổng đầu tư toàn xã hội (tính bằng USD)	Triệu USD		
	Trong đó:			
	+ Vốn trong nước	Triệu USD		
	+ Vốn ngoài nước	Triệu USD		
	. Vốn đầu tư trực tiếp			
	. Vốn ODA			

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

02637452

Mẫu biểu số: 1.8

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-BTC-
BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Vụ Kinh tế đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ DƯỚI HÌNH THỨC TRỢ GIÚP
KỸ THUẬT CỦA NƯỚC NGOÀI CHO VIỆT NAM**

Quý..... năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Tên dự án	Nước viện trợ	Tổng giá trị dự án trợ giúp
I	Phân theo dự án trợ giúp kỹ thuật		
1	Dự án A	Nước A	
2	Dự án B		
	...		

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm.....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.9

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu năm: ngày 15 tháng 5 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê)
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**NGUỒN VÀ SỬ DỤNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC
THEO GIÁ THỰC TẾ
Năm....**

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chi tiêu	Năm trước	Năm báo cáo
I. Nguồn		
1. Tổng sản phẩm trong nước		
2. Nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ		
II. Sử dụng nguồn		
1. Tổng tích lũy tài sản		
- Tổng tài sản cố định		
- Thay đổi tồn kho		
2. Tiêu dùng cuối cùng		
- Nhà nước		
- Cá nhân		
3. Xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ		
4. Sai số		
* Chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ		

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 1.10

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu năm: ngày 15 tháng 5 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê)
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**NGUỒN VÀ SỬ DỤNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC
THEO GIÁ SO SÁNH**

Năm....

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm báo cáo
I. Nguồn		
1. Tổng sản phẩm trong nước		
2. Nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ		
II. Sử dụng nguồn		
1. Tổng tích lũy tài sản		
- Tổng tài sản cố định		
- Thay đổi tồn kho		
2. Tiêu dùng cuối cùng		
- Nhà nước		
- Cá nhân		
3. Xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ		
4. Sai số		
* Chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ		

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Phụ lục II
MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ TÀI CHÍNH
(Mẫu biểu 2.1-2.12)

Mẫu biểu số: 2.1

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Vụ Tài chính đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN VAY NỢ
NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Năm...

Đơn vị: quy 1.000 USD

Tên chương trình, dự án	Tổng số	
	Quy VNĐ	Quy USD
Các chủ nợ chính thức		
Song phương		
Áo		
Bỉ		
Trung Quốc		
Pháp		
Nhật Bản		
Liên Bang Nga...		
Đa phương		
ADB		
IDA		
IMF		
Các chủ nợ tư nhân		

Tên chương trình, dự án	Tổng số	
	Quy VNĐ	Quy USD
Người nắm giữ trái phiếu		
Ngân hàng thương mại		
Tư nhân khác		

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.2

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-BTC-
BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Vụ Tài chính đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI
CỦA CHÍNH PHỦ**

Quý.... năm

Đơn vị: 1.000 USD

Tên chương trình, dự án	Tổng số	
	Quy VNĐ	Quy USD
Các chủ nợ chính thức		
Song phương		
Áo		
Bỉ		
Trung Quốc		
Pháp		
Nhật Bản		
Liên Bang Nga		
Đa phương		
ADB		
IDA		
IMF		
Các chủ nợ tư nhân		
Người nắm giữ trái phiếu		
Ngân hàng thương mại		
Tư nhân khác		

Ngày.... tháng.... năm....

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.3

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-BTC-
BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Vụ Tài chính đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

THỰC HIỆN TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Quý.... Năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

Tổ chức tài chính quốc tế, nước	Kế hoạch năm				Thực hiện năm			
	Gốc	Lãi và phí	Tổng	Quy VNĐ	Gốc	Lãi và phí	Tổng	Quy VNĐ
Tổng số								
I. Các chủ nợ chính thức								
1. Các chủ nợ song phương								
.....								
2. Các chủ nợ đa phương								
.....								
II. Các chủ nợ tư nhân								
1. Người nắm giữ trái phiếu								
2. Ngân hàng thương mại								
3. Tư nhân khác								

Ngày.... tháng.... năm....

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.4

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Vụ Tài chính đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ PHÂN THEO LOẠI TIỀN

Tính đến 31/12 năm.....

Loại tiền	Năm	
	Quy USD	%
AUD		
CAD		
CHF		
CNY		
DKK		
EUR		
GBP		
INR		
JPY		
KRW		
KWD		
MYR		
NOK		
NZD		
SDR		
SEK		
THB		
USD		
Tổng số		

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.5

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày đầu tháng thứ hai
quý sau

- Số liệu năm: ngày đầu tiên của tháng
5 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính
(Tổng cục thuế)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THUẾ

Quý..... năm.....

Triệu VND

Chỉ tiêu	Giá trị thu thuế
1. Số thuế của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam*	
2. Thuế thu nhập thường xuyên của người lao động nước ngoài ở Việt Nam	

* Số liệu thu thập từ biểu này được sử dụng để ước tính lợi nhuận của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và thu nhập của người lao động là người không cư trú làm việc tại Việt Nam trong hạng mục thu nhập của cán cân vãng lai.

Người lập biểu

Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....

Thủ trưởng đơn vị

Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.6

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Bộ Tài chính
(Vụ Tài chính đối ngoại)
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

THU, CHI DỊCH VỤ CHÍNH PHỦ

Quý..... năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

Chi tiêu	Trị giá phát sinh trong quý	Dự kiến cả năm
I. Thu		
1. Phí lãnh sự		
2. Phí visa		
.....		
II. Chi ¹		
1. Chi cho các cơ quan ngoại giao tại nước ngoài		
2. Chi cho các đoàn ngoại giao của Chính phủ và cơ quan Chính phủ		
3. Chi cho các cơ quan đại diện của Chính phủ tại nước ngoài ²		
Tổng		

09637452

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

¹ Chi dịch vụ chính phủ phản ánh các khoản chi ngân sách cho mục đích chi tiêu của đại sứ quán, lãnh sự quán, căn cứ quân sự, đại diện an ninh... ở nước ngoài, chi cho các phái đoàn của Việt Nam trong các hoạt động ngoại giao, viện trợ, văn phòng thông tin và xúc tiến;

² Các cơ quan đại diện của Chính phủ tại nước ngoài gồm có Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Văn hóa, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Thông tấn xã, Thương vụ...

Mẫu biểu số: 2.7

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Vụ Tài chính đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI
CỦA NƯỚC NGOÀI CHO VIỆT NAM (*)**

Quý.... năm...

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Chi tiêu	Trị giá phát sinh trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
I	Viện trợ của tổ chức LHQ		
1	Tổ chức UNDP		
2	Tổ chức UNFPA		
3		
II	Viện trợ của tổ chức phi Chính phủ		
1	Mỹ		
2	Pháp		
3		
III	Viện trợ của các Chính phủ		
1	Nhật Bản		
2	Pháp		
		

(*) Bao gồm các khoản viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam qua ngân sách nhà nước.

Ngày.... tháng.... năm....

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.8

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Vụ Tài chính đối ngoại)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA VIỆT NAM
CHO NƯỚC NGOÀI (*)**

Quý.... năm...

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Chi tiêu	Trị giá phát sinh trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
	Nước nhận viện trợ		
1	Lào		
2	Campuchia		
3		
4	Các nước khác		
	Phân loại viện trợ theo mục đích		
I	Viện trợ cho mục đích tiêu dùng		
	Trong đó:		
1	- Viện trợ bằng hàng		
2	- Viện trợ bằng tiền		
II	Viện trợ cho mục đích đầu tư		
	Trong đó:		
1	- Viện trợ bằng hàng		
2	- Viện trợ bằng tiền		

(*) Bao gồm các khoản viện trợ không hoàn lại của Việt Nam cho nước ngoài qua ngân sách nhà nước.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.9

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Ủy ban chứng khoán)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG,
PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG KHOÁN ĐÃ NIÊM YẾT/
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**
Quý..... năm.....

Đơn vị: Triệu VND

STT	Loại chứng khoán phân theo tổ chức phát hành	Tổng giá trị phát hành	Bán cho nhà đầu tư nước ngoài	Bán cho nhà đầu tư trong nước
A	Phát hành ra công chúng theo Luật chứng khoán 2006			
1	Cổ phiếu			
1.1	Doanh nghiệp			
1.2	Ngân hàng			
2	Trái phiếu trung và dài hạn			
2.1	Chính phủ			
2.2	Doanh nghiệp			
2.3	Ngân hàng			
3	Chứng chỉ quỹ đầu tư			
4	Các loại chứng khoán khác			
B	Phát hành thêm của các chứng khoán đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên TTGDCK/SGDCK			

STT	Loại chứng khoán phân theo tổ chức phát hành	Tổng giá trị phát hành	Bán cho nhà đầu tư nước ngoài	Bán cho nhà đầu tư trong nước
1	Cổ phiếu			
1.1	Doanh nghiệp			
1.2	Ngân hàng			
2	Trái phiếu trung và dài hạn			
2.1	Chính phủ			
2.2	Doanh nghiệp			
2.3	Ngân hàng			
3	Chứng chỉ quỹ đầu tư			
4	Các loại chứng khoán khác			

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Số liệu trong bảng này bao gồm:

- Số liệu phát hành ra công chúng của các công ty theo Luật chứng khoán có hiệu lực từ 01/01/2007, có báo cáo với UBCKNN

- Số liệu phát hành thêm của các công ty hiện đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên TTGDCK/SGDCK.

Mẫu biểu số: 2.10

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Ủy ban chứng khoán)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Quý..... năm.....

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Loại chứng khoán phân theo tổ chức phát hành	Tổng giá trị phát hành	Bán cho nhà đầu tư nước ngoài	Bán cho nhà đầu tư trong nước
1	Cổ phiếu:			
1.1	Doanh nghiệp			
1.2	Ngân hàng			
2	Trái phiếu trung và dài hạn			
2.1	Chính phủ			
2.2	Doanh nghiệp			
2.3	Ngân hàng			
3	Chứng chỉ quỹ đầu tư			
4	Các loại chứng khoán khác			

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.11

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Ủy ban chứng khoán Nhà nước)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Quý... năm...

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Công cụ	Mua		Bán	
		Toàn thị trường	Nhà đầu tư nước ngoài	Toàn thị trường	Nhà đầu tư nước ngoài
1	Cổ phiếu				
2	Trái phiếu				
3	Chứng chỉ quỹ				
4	Chứng khoán khác				

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 2.12

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Bộ Tài chính

(Ủy ban chứng khoán Nhà nước)

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**BÁO CÁO VỀ TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ
CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Quý..... năm....

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Mã cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch		Chứng khoán tối đa được phép nắm giữ	Tỷ lệ năm giữ của nhà đầu tư nước ngoài				Chứng khoán còn được phép nắm giữ
		Khối lượng	Giá trị		Đầu kỳ		Cuối kỳ		
					Khối lượng	%	Khối lượng	%	

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Phụ lục III
MẪU BIỂU ÁP DỤNG CHO CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC
VÀ TỔNG CÔNG TY
(Mẫu biểu số 3.1-3.8)

Mẫu biểu số: 3.1

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tổng công ty Hàng hải VN

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Tổng cục Thống kê)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO XUẤT, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ

Đơn vị: 1.000 USD

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn đến hết quý báo cáo	Cộng dồn so với cùng kỳ (%)
I. Trị giá xuất khẩu			
1. Thu cước phí vận tải hàng hóa			
1.1. Hàng XK của Việt Nam cho chủ hàng nước ngoài			
1.2. Hàng NK của Việt Nam cho chủ hàng nước ngoài			
1.3. Hàng chở thuê giữa các cảng nước ngoài			
2. Thu cước phí vận tải hành khách nước ngoài			

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn đến hết quý báo cáo	Cộng dồn so với cùng kỳ (%)
3. Thu cho thuê tàu không kèm thuyền viên 4. Thu cho thuê tàu có kèm thuyền viên 5. Bốc xếp hàng hóa 6. Thu dịch vụ hàng hải khác 7. Thu dịch vụ khác II. Trị giá nhập khẩu 1. Chi phí nhiên liệu và chi phí vật chất khác 2. Chi phí đại lý, hoa hồng 3. Chi bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện 4. Chi dịch vụ cảng, dịch vụ hàng hải khác ở nước ngoài 5. Chi thuê tàu có kèm thuyền viên 6. Chi thuê tàu không kèm thuyền viên 7. Chi dịch vụ khác			

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

09637452

Mẫu biểu số: 3.2A

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tổng công ty Hàng không VN

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Tổng cục Thống kê)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO XUẤT KHẨU DỊCH VỤ

Đơn vị: 1.000 USD

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến hết quý báo cáo	So với cùng kỳ (%)
Tổng trị giá			
I. Dịch vụ vận tải hàng không			
1. Thu phí vận tải hàng hóa			
2. Thu phí vận tải hành khách			
3. Thu phí vận tải hành khách nước ngoài giữa các sân bay của Việt Nam			
4. Thu từ phía nước ngoài về cho thuê máy bay			
4.1. Có kèm tổ lái			
4.2. Không kèm tổ lái			
5. Thu phục vụ thương mại mặt đất các hãng nước ngoài khác			
6. Thu cung ứng suất ăn cho hãng khác			

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến hết quý báo cáo	So với cùng kỳ (%)
7. Thu phí sửa chữa, bảo dưỡng máy bay 8. Thu phí xếp dỡ, bảo quản, giao nhận hàng hóa tại kho sân bay 9. Thu bay dịch vụ 10. Thu hoa hồng, đại lý 11. Thu phí dịch vụ khác liên quan đến vận tải hàng không II. Dịch vụ khác 1. Thu bán nhiên liệu cho hãng hàng không nước ngoài 2. Thu cho thuê tài sản khác 3. Thu quảng cáo 4. Thu phí đào tạo phi công, nhân viên kỹ thuật 5. Thu cung cấp dịch vụ xây dựng 6. Thu cung cấp dịch vụ máy tính 7. Thu cung cấp dịch vụ khác			

09637452

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.2B

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tổng công ty Hàng không VN

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Tổng cục Thống kê)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO NHẬP KHẨU DỊCH VỤ

Đơn vị: 1.000 USD

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến hết quý báo cáo	So với cùng kỳ (%)
Tổng trị giá			
I. Dịch vụ vận tải hàng không			
1. Chi mua nhiên liệu tại sân bay nước ngoài			
2. Chi thuê máy bay của phía nước ngoài			
2.1. Có kèm tổ lái			
2.2. Không kèm tổ lái			
3. Chi phí không lưu, hạ cất cánh, sân đỗ và phí thương mại mặt đất khác tại sân bay nước ngoài			
4. Chi hoa hồng, đại lý			
5. Chi mua hàng hóa ở nước ngoài phục vụ chuyên bay			
6. Chi phí văn phòng và quản lý ở nước ngoài			

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến hết quý báo cáo	So với cùng kỳ (%)
<p>7. Chi phí thêm cho phi hành đoàn (tiền ăn, ở...)</p> <p>8. Chi phí sửa chữa máy bay ở nước ngoài</p> <p>9. Chi phí khác ở nước ngoài liên quan đến vận tải hàng không</p> <p>II. Dịch vụ khác</p> <p>1. Chi thuê tài sản</p> <p>2. Chi dịch vụ bảo hiểm</p> <p>3. Chi phí quảng cáo và xúc tiến</p> <p>4. Chi đào tạo phi công, nhân viên kỹ thuật</p> <p>5. Chi dịch vụ xây dựng</p> <p>6. Chi dịch vụ máy tính</p> <p>7. Chi dịch vụ khác</p>			

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.3

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Cục Hàng không Việt Nam

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Tổng cục Thống kê)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**BÁO CÁO XUẤT KHẨU DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG**

Quý.... năm....

Đơn vị: 1.000 USD

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn đến hết quý báo cáo	Cộng dồn so với cùng kỳ (%)
I. Thu dịch vụ cảng hàng không			
1. Thu phục vụ hành khách			
2. Thu phục vụ hạ/cất cánh, sân đỗ			
3. Thu cho thuê trang thiết bị chuyên ngành			
4. Thu dịch vụ soi chiếu an ninh			
5. Thu cho thuê mặt bằng tại nhà ga			
6. Thu cho thuê mặt bằng quảng cáo			
II. Thu điều hành bay			
Tổng số (I + II)			

Người lập biểu

Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....

Thủ trưởng đơn vị

Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.4A

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tổng công ty Bưu chính Việt Nam
và các công ty khác thuộc Tập đoàn
bưu chính viễn thông VN

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
(Tổng cục Thống kê)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO DỊCH VỤ BƯU CHÍNH QUỐC TẾ

Quý... năm....

Đơn vị: 1.000 USD

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn đến hết quý báo cáo	Cộng dồn so với cùng kỳ (%)
I. Xuất khẩu			
1. Dịch vụ bưu chính và chuyển phát			
1.1. Thu dịch vụ bưu chính			
1.2. Thu dịch vụ chuyển phát			
2. Dịch vụ khác			
II. Nhập khẩu			
1. Dịch vụ bưu chính và chuyển phát			
1.1. Chi dịch vụ bưu chính			
1.2. Chi dịch vụ chuyển phát			
2. Dịch vụ khác			

Ngày... tháng... năm....

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.4B

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau

Đơn vị lập biểu:

Tổng công ty viễn thông I, II và
các công ty khác thuộc Tập đoàn
bưu chính viễn thông

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Tổng cục Thống kê)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

BÁO CÁO DỊCH VỤ VIỄN THÔNG QUỐC TẾ

(Quý... năm.....)

Đơn vị: 1.000 USD

	Thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn đến hết quý báo cáo	Cộng dồn so với cùng kỳ (%)
I. Xuất khẩu			
1. Dịch vụ viễn thông			
1.1. Thu dịch vụ điện thoại quốc tế			
1.2. Thu dịch vụ truyền số liệu quốc tế			
1.3. Thu phát hình			
1.4. Thu thuê kênh, thuê công kết nối Internet			
1.5. Thu khác về dịch vụ viễn thông			
2. Dịch vụ khác			
II. Nhập khẩu			
1. Dịch vụ viễn thông			
1.1. Chi dịch vụ điện thoại quốc tế			
1.2. Chi dịch vụ truyền số liệu quốc tế			
1.3. Chi phát hình			
1.4. Chi thuê kênh, thuê công kết nối Internet			
1.5. Chi thanh toán cước thông tin hàng hải			
1.6. Chi khác về dịch vụ viễn thông			
2. Dịch vụ khác			

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ tên)

Mẫu biểu số: 3.5A

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI
VÀO VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**
(áp dụng đối với các pháp nhân)

Quý..... năm.....

(Đơn vị: 1.000 USD)

STT	Dự án	Nước đầu tư	Tổng vốn đầu tư thực hiện tính đến đầu kỳ báo cáo	Vốn chủ sở hữu tính đến đầu kỳ báo cáo	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	Vốn chủ sở hữu do các bên đóng góp			Vốn vay của doanh nghiệp liên doanh		
						Bên nước ngoài	Bên Việt Nam		Vay nước ngoài	Vay trong nước	
							Vốn tự có	Vay nước ngoài			Vay trong nước
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vietsopetro										
2											
3											
4											
5											
	Tổng số										

- Vay nước ngoài (cột 10): Là các khoản vay do các doanh nghiệp trực thuộc quản lý của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam vay từ các tổ chức là người không cư trú. Vay trong nước (cột 11) là các khoản vay của các doanh nghiệp trực thuộc quản lý của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam vay từ các tổ chức là người cư trú, kể cả các khoản vay của chi nhánh các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng liên doanh giữa Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.5B

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI
VÀO VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**

(áp dụng đối với phi pháp nhân)

Quý..... năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Dự án	Nước đầu tư	Tổng vốn đầu tư thực hiện tính đến đầu kỳ báo cáo	Vốn chủ sở hữu tính đến đầu kỳ báo cáo	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	Vốn góp của các bên		
						Bên nước ngoài	Bên Việt Nam	
							Vay nước ngoài	Vay trong nước
1	2	3	4	5	6	7	8	
1								
2								
3								
4								
5								
	Tổng số							

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.6A

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP LỢI NHUẬN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**

(áp dụng đối với pháp nhân)

Quý..... năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

	Chi tiêu	Thực hiện trong kỳ
1	Lợi nhuận trước thuế*	
2	Lợi nhuận sau thuế*	
2.1	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư nước ngoài hưởng **	
2.2	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư trong nước hưởng **	

* Lợi nhuận bao gồm lợi nhuận của tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí trong kỳ báo cáo.

** Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư nước ngoài được hưởng bao gồm tất cả lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài được hưởng theo tỷ lệ góp vốn vào doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bất kể chuyển về nước hay chưa chuyển.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.6B

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP NGUỒN THU CỦA PHÍA NƯỚC NGOÀI TRONG
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC DẦU KHÍ TẠI VIỆT NAM**

(áp dụng đối với phi pháp nhân)

Quý.... năm.....

1.000 USD

	Chỉ tiêu	Thực hiện trong kỳ
1	Tổng doanh thu từ hoạt động khai thác dầu khí tại Việt Nam	
2	Chi phí thu hồi nhà đầu tư nước ngoài được hưởng	
3	Lãi nhà đầu tư nước ngoài được hưởng (trước thuế thu nhập doanh nghiệp)	
4	Lãi nhà đầu tư nước ngoài được hưởng (trước thuế thu nhập doanh nghiệp)	

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....

Thủ trưởng đơn vị

Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.7A

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI
TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**
(áp dụng đối với pháp nhân)

Quý..... năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Dự án	Nước	Tổng vốn đầu tư thực hiện đến cuối kỳ báo cáo	Vốn chủ sở hữu đến cuối kỳ báo cáo	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	Vốn vay		Vốn chủ sở hữu	
						Tổng số	Trong đó vay từ Việt Nam	Bên nước ngoài đóng góp	Bên Việt Nam đóng góp
1	2	3	4	5 = 6 + 7					

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.7B

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007
Ngày cung cấp số liệu:
- Số liệu quý: ngày 20 tháng đầu quý sau
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:
Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam
Đơn vị nhận biểu:
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)
(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA VIỆT NAM
RA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**

(áp dụng đối với phi pháp nhân)

Quý..... năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

STT	Dự án	Nước nhận đầu tư	Tổng vốn đầu tư thực hiện tính đến đầu kỳ báo cáo	Vốn chủ sở hữu tính đến đầu kỳ báo cáo	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ	Vốn góp của các bên		
						Bên nước ngoài	Bên Việt Nam	
							Vay nước ngoài	Vay trong nước
1	2	3	4	5	6	7	8	
1								
2								
3								
4								
5								
	Tổng số							

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.8A

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu 6 tháng: ngày 20 tháng 7 hàng năm
- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP LỢI NHUẬN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
RA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC DẦU KHÍ**
(áp dụng đối với pháp nhân)
6 tháng năm

Đơn vị: 1.000 USD

	Chỉ tiêu	Thực hiện trong kỳ
1	Lợi nhuận trước thuế *	
2	Lợi nhuận sau thuế *	
2.1	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư Việt Nam hưởng	
2.2	Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư Việt Nam hưởng	

* Lợi nhuận bao gồm lợi nhuận trong kỳ báo cáo của tất cả các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

** Phần lợi nhuận sau thuế nhà đầu tư Việt Nam được hưởng bao gồm tất cả lợi nhuận nhà đầu tư Việt Nam được hưởng theo tỷ lệ góp vốn vào doanh nghiệp bất kể chuyển về nước hay chưa chuyển.

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....
Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Mẫu biểu số: 3.8B

ban hành kèm theo Thông tư liên tịch
số 05/2007/TTLT-NHNN-BKH&ĐT-
BTC-BTM ngày 14/6/2007

Ngày cung cấp số liệu:

- Số liệu 6 tháng: ngày 20 tháng 7 hàng
năm

- Số liệu năm: ngày 31/01 năm sau

Đơn vị lập biểu:

Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Đơn vị nhận biểu:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Vụ Chính sách tiền tệ)

(Fax: 8 258 385/8 240 132)

**TỔNG HỢP NGUỒN THU CỦA PHÍA VIỆT NAM TRONG HOẠT ĐỘNG
Khai thác dầu khí tại nước ngoài**

(áp dụng đối với phi pháp nhân)

6 tháng, năm.....

Đơn vị: 1.000 USD

	Chi tiêu	Thực hiện trong kỳ
1	Tổng doanh thu từ hoạt động khai thác dầu khí tại nước ngoài	
2	Chi phí thu hồi nhà đầu tư Việt Nam được hưởng	
3	Lãi nhà đầu tư Việt Nam được hưởng (trước thuế thu nhập doanh nghiệp)	
4	Lãi nhà đầu tư Việt Nam được hưởng (trước thuế thu nhập doanh nghiệp)	

Người lập biểu
Ký (ghi rõ họ, tên)

Ngày.... tháng.... năm....

Thủ trưởng đơn vị
Ký (ghi rõ họ, tên)

Phụ lục IV

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU BÁO CÁO NGOÀI CÁC BẢNG BIỂU
 QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I-III

(ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 05/2007/TTLT-NHNN-
 BKH&ĐT-BTC-BTM ngày 14/6/2007)

STT	Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Định kỳ báo cáo
01	Bộ Tài chính		
0101	Các khoản hoãn nợ	Gốc, lãi	Quý, năm
0102	Các khoản xóa nợ	Gốc, lãi	Quý, năm
0103	Ngoại tệ tiền mặt khai báo qua Hải quan theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối	Cá nhân, ngân hàng thương mại	Quý, năm
02	Bộ Giáo dục và Đào tạo		
0201	Số sinh viên đi học ở nước ngoài được người cư trú cấp học bổng	Theo nước	Quý, năm
0202	Số sinh viên đi học ở nước ngoài được người không cư trú cấp học bổng	Theo nước	Quý, năm
0203	Số sinh viên đi học ở nước ngoài tự túc kinh phí	Theo nước	Quý, năm
03	Bộ Ngoại giao		
0301	Số quan chức Việt Nam làm việc tại các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài	Theo nước	Năm
0302	Số người không cư trú (nhân viên nước ngoài) làm việc cho các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài		
0303	Số người cùng đi theo các quan chức Việt Nam làm việc tại các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài	Theo nước	Năm

STT	Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Định kỳ báo cáo
0304	Chi phí hoạt động của các cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài	Theo nước	Năm
0305	Số quan chức nước ngoài làm việc tại các cơ quan ngoại giao của nước ngoài ở Việt Nam	Theo nước	Năm
0306	Số người Việt Nam (người cư trú của Việt Nam) làm việc cho các cơ quan ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam		
0307	Số người cùng đi theo các quan chức nước ngoài làm việc tại các cơ quan ngoại giao của nước ngoài ở Việt Nam	Theo nước	Năm
0308	Chi phí hoạt động của các cơ quan ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam (bình quân năm)	Theo nước	Năm